ISSN 1859-3828

Tạp chí

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Lâm nghiệp

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

FORESTRY SCIENCE AND TECHNOLOGY JOURNAL OF VIETNAM FORESTRY UNIVERSITY

HÀ NỘI

SỐ 4
2013

Tạp chí:

KHOA HỌC

& CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP

ISSN: 1859 - 3828

- *Công nghệ sinh học & Giống cây trồng*
- *Lâm sinh*
- *Quản lý Tài nguyên rừng & Môi trường*
- *Công nghiệp rừng*
- *Kinh tế & Chính sách*
- *Ứng dụng Công nghệ thông tin*

SỐ 4 NĂM 2013

Giấy phép số:

1948/GP – BTTTT
Bộ Thông tin – Truyền thông cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012

In tại nhà in Nguyễn Quang Khiết
Xuân Mai – Chương Mỹ – Hà Nội
Giấy phép số: 0118000833

MỤC LỤC

Trang

- **Khuất Thị Hải Ninh, Nguyễn Thị Thanh Hường.** Ảnh hưởng của bón phân đến sinh trưởng, hàm lượng và chất lượng tinh dầu của một số xuất xứ Tràm năm gân (*Melaleuca Quinquenervia*) tại Ba Vì, Hà Nội — 3 - 8
- **Nguyễn Thị Thơ, Vũ Quang Nam.** Đặc điểm giải phẫu và sinh lý loài Vạng trứng (*Endospermum chinense* Benth.) — 9 - 14
- **Nguyễn Thị Ngọc Bích, Đặng Xuân Hiển.** Nghiên cứu so sánh khả năng xử lý nước rỉ bằng phương pháp oxy hóa bằng O_3 và oxy hóa tiên tiến (AOPs) — 15 - 20
- **Lê Sỹ Doanh, Mai Thị Thanh Nhàn.** Nghiên cứu phương pháp đánh giá khả năng chắn sóng của rừng ngập mặn tại 3 tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng và Nam Định — 21 - 30
- **Đỗ Quang Huy, Vũ Tiến Thịnh.** Dẫn liệu mới bổ sung cho khu hệ động vật tại khu rừng đặc dụng Hương Sơn, Hà Nội — 31 - 39
- **Phí Thị Hải Ninh.** Nghiên cứu giải pháp bảo vệ đất trồng rau bằng bón phân hữu cơ tại xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội — 40 - 46
- **Lê Bảo Thanh.** Một số đặc điểm hình thái, sinh học của Xén tóc trưởng thành *Apriona Germari* Hope (Conleoptera: Cerambycidae) — 47 - 51
- **Quách Văn Thiêm, Trần Văn Chứ.** Nghiên cứu ảnh hưởng chế độ ép tới độ bền kéo và độ bền uốn của vật liệu phức hợp gỗ nhựa — 52 - 59
- **Phạm Văn Chương, Nguyễn Văn Định.** Ảnh hưởng của xử lý bằng hỗn hợp Borax và Boric axit (BX – BA) đến khả năng chậm cháy và một số tính chất cơ học của gỗ Bạch Đàn (*Eucalyptus urophylla*) — 60 - 66
- **Trịnh Hiền Mai.** Khả năng kháng nấm của ván mỏng gỗ Beech biến tính với các hợp chất có chứa N-Methylol Melamin — 67 - 75
- **Nguyễn Thị Minh Nguyệt.** Nghiên cứu hàm lượng thành phần hóa học gỗ bạch đàn trắng (*Eucalyptus camaldulensis* Dehn) — 76 - 81
- **Bùi Thị Minh Nguyệt, Trần Quang Bảo.** Nghiên cứu các hình thức khai thác dịch vụ môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái tại vườn Quốc gia Ba Vì - Hà Nội — 82 - 89
- **Đặng Thị Hoa, Ngô Tuấn Quang, Ngô Thị Thanh.** Ứng xử của người nông dân vùng ven biển với biến đổi khí hậu tại xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định — 90 - 96
- **Nguyễn Bá Long, Nguyễn Phúc Yên, Phạm Thị Huyền, Ngô Thị Thùy Linh, Lê Thị Thảo.** Kết quả thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa tại huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội — 97 - 102
- **Nguyễn Quốc Nghị, Nguyễn Thị Ngọc Yến, Quan Minh Nhựt.** Nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ trồng Thanh Long huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang — 103 - 108
- **Vũ Thị Minh Ngọc, Mai Quyên.** Ứng dụng mô hình phân phối trễ trong nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam — 109 - 118
- **Chu Thị Thu, Hoàng Thị Dung.** Ứng dụng hàm Cobb-douglass trong phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng khai thác than ở Việt Nam — 119 - 127
- **Trịnh Quang Thoại, Chu Thị Hồng Phượng.** Một số giải pháp nhằm thu hút thí sinh dự tuyển vào trường Đại học Lâm nghiệp — 128 - 137
- **Vũ Khắc Bẩy.** Áp dụng công nghệ tin học trong công tác giảng dạy môn toán kinh tế tại trường Đại học Lâm nghiệp — 138 - 144

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM THU HÚT THÍ SINH DỰ TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Trịnh Quang Thoại[1], Chu Thị Hồng Phượng[2]

[1]ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp
[2]CN. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Số lượng thí sinh dự thi vào trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) ngày càng tăng, tuy nhiên thí sinh đăng kí dự thi thực sự có nguyện vọng học tại trường (nguyện vọng 1) còn thấp, đặc biệt là thí sinh có lực học khá, giỏi. Nghiên cứu được tiến hành nhằm đề xuất các giải pháp có tính khả thi để thu hút ngày càng nhiều thí sinh có lực học khá, giỏi dự tuyển vào trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy lý do chính thí sinh đưa ra khi họ quyết định không thi tuyển vào trường ĐHLN là "sinh viên ĐHLN khó xin được việc làm sau khi tốt nghiệp". Trong khi đó, "điểm đầu vào phù hợp" là lý do chính mà nhóm thí sinh thi tuyển vào trường theo nguyện vọng 1 và nguyện vọng lựa chọn. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng rõ rệt đến quyết định thi tuyển hay không thi tuyển vào trường ĐHLN của thí sinh bao gồm: (1) khoảng cách từ nơi ở của thí sinh tới ĐHLN; (2) điểm tổng kết lớp 12 của thí sinh; (3) địa bàn sinh sống của thí sinh; (3) kỳ vọng việc làm của thí sinh; và (4) sự tham khảo thông tin của thí sinh. Nghiên cứu cũng đã đưa ra một số giải pháp nhằm giúp Nhà trường thu hút ngày càng nhiều thí sinh có lực học khá, giỏi bao gồm: (1) Nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời tăng tính hấp dẫn, tạo dựng danh tiếng của Nhà trường; (2) Nâng cao hiệu quả của công tác quảng cáo, truyền bá về các ngành học và hình ảnh của Nhà trường; (3) Tiếp tục mở thêm các ngành học mới phù hợp với nhu cầu xã hội; và (4) Thành lập Trung tâm hướng nghiệp và tư vấn việc làm.

Từ khóa: ***Đại học Lâm nghiệp, nguyện vọng 1, nguyện vọng 2, thi tuyển , thí sinh***

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Số lượng thí sinh dự thi vào trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) ngày càng tăng, tuy nhiên thí sinh đăng kí dự thi thực sự có nguyện vọng học tại trường (nguyện vọng 1) còn thấp và tỷ lệ thí sinh có lực học khá, giỏi dự thi vào trường chưa cao. Vấn đề đặt ra là: Làm thế nào để thu hút được nhiều hơn số lượng sinh viên thực sự có nguyện vọng học tại trường? Làm thế nào đề thu hút được ngày càng nhiều thí sinh có lực học khá, giỏi thi tuyển vào trường Đại học Lâm nghiệp?

Trên thế giới đã có rất nhiều công trình nghiên cứu đã được triển khai liên quan đến các giải pháp thu hút sinh viên của các trường đại học, cao đẳng. Umesh Kumar Pandey và cộng sự (2012) đã chỉ ra rằng quảng cáo và nâng cấp dịch vụ của các cơ sở đào tạo là các hình thức thu hút sinh viên hữu hiệu của các tổ chức đào tạo cao học tại Ấn Độ [7]. Theo nghiên cứu của WAAO (Western Academic Admission Office), các hình thức quảng cáo như sử dụng tờ rơi, áp phích... và áp dụng các dịch vụ hỗ trợ trong quá trình nhập học là các hình thức các trường Đại học và Cao đẳng ở Anh cần áp dụng để thu hút sinh viên, đặc biệt là sinh viên quốc tế (sinh viên châu Phi) [8]. Trong khi đó, Golden (2012) kết luận rằng, môi trường văn hóa mở là một trong các tiêu chí thu hút sinh viên tại Mỹ, đặc biệt là sinh viên quốc tế. Theo nghiên cứu của CISCO (2008), cung cấp các công cụ công nghệ cao, cải thiện cơ sở hạ tầng đặc biệt là hệ thống mạng không dây là hình thức thu hút sinh viên của trường đại học thuộc bang Texas, Hoa Kỳ [1]. Hiện đại hóa các trang thiết bị và đổi mới phương pháp là giải pháp để thu hút sinh viên của một số trường đại học (Warwich, Newcastle) ở nước Anh (Hull 2012) [4]. Henry (2011) chỉ ra rằng cung cấp học bổng là giải pháp mà một số trường đại học ở nước Anh thu hút các sinh viên khá, giỏi [3]. Trong khi đó, đơn giản hóa các thủ tục nhập học là phương pháp được áp dụng để thu hút sinh viên tại đại học Indiana, Mỹ (http://www.hyland.com) [5].

Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009) đã chỉ ra rằng có năm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học tại Quảng Ngãi, bao gồm: yếu tố cơ hội việc làm trong tương lai, yếu tố về cá nhân học sinh, yếu tố đặc điểm cố định của trường đại học, yếu tố về cá nhân có ảnh hưởng đến quyết định của học sinh, và yếu tố thông tin [6]. Bên cạnh đó các yếu tố như: điểm tuyển thấp và cơ hội vào học cao, theo ý kiến của bạn bè, theo truyền thống của gia đình không phải là động cơ thúc đẩy sinh viên lựa chọn ngành học" (theo Nguyễn Văn Tài, trích từ nghiên cứu của Nguyễn Phương Toàn 2011). Các giải pháp để thu hút sinh viên của các trường đại học ở Việt Nam cũng rất đa dạng bao gồm: cấp học bổng, tạo cơ hội cho sinh viên học văn bằng hai, giảm học phí, xây dựng thương hiệu cho nhà trường, giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Theo VTCNews (http://vtc.vn), để thu hút sinh viên, năm học 2012-2013 trường Đại học Tân Tạo chiêu sinh 550 chỉ tiêu, trong đó tất cả các sinh viên đều được cấp học bổng toàn phần (bao gồm: học phí, chi phí ăn, ở, bảo biểm) cho năm học đầu tiên. Trong khi đó, quảng bá thương hiệu của nhà trường và giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp là giải pháp mà trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội áp dụng để thu hút thí sinh dự thi [9].

Xuất phát từ thực trạng nghiên cứu về các giải pháp thu hút sinh viên của các trường đại học trong và ngoài nước, nghiên cứu này được tiến hành nhằm đề xuất các giải pháp có tính khả thi để thu hút thí sinh, đặc biệt là những thí sinh có lực học khá, giỏi dự tuyển vào trường Đại học Lâm nghiệp.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu bao gồm cả số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp

Số liệu thứ cấp: là số lượng thí sinh dự tuyển và trúng tuyển vào trường ĐHLN từ năm 2007 đến năm 2012 và được thu thập thông qua số liệu tổng kết của Phòng Đào tạo. Bên cạnh đó, các số liệu, tài liệu thứ cấp khác liên quan đến vấn đề nghiên cứu được thu thập qua các tạp chí, các nghiên cứu có liên quan và mạng internet.

Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phát phiếu phỏng vấn tới ba nhóm thí sinh: nhóm thí sinh không thi tuyển vào trường ĐHLN, nhóm thi sinh thi tuyển vào trường ĐHLN theo nguyện vọng 1, và nhóm thí sinh dự tuyển vào trường ĐHLN theo nguyện vọng 2. Nhóm thí sinh không thi tuyển vào trường Đại học Lâm nghiệp được tiến hành điều tra vào đầu tháng 5 tại một số trường phổ thông trung học tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình, huyện Thạch Thất, Quốc Oai và Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Nhóm thí sinh thi tuyển vào trường theo nguyện vọng 1 được phỏng vấn thông qua hai đợt tuyển sinh đầu tháng 7 năm 2012 tại trường ĐHLN. Trong khi đó, nhóm thí sinh dự tuyển vào trường theo nguyện vọng 2 được phát phiếu phỏng vấn vào thời gian thí sinh đến nộp hồ sơ (tháng 9 năm 2012) và thời gian nhập học (tháng 10 năm 2012) tại trường. Tổng số phiếu phỏng vấn được phát ra là 2000 và số phiếu thu về là 1810, trong đó số phiếu của thí sinh không dự thi vào trường là 616, số phiếu của thí sinh dự thi theo nguyện vọng 1 là 833 và số phiếu của thí sinh dự tuyển theo nguyện vọng 2 là 361.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp phân tích được sử dụng trong đề tài bao gồm: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê so sánh và đặc biệt là phương pháp hồi quy. Trong phương pháp hồi quy, mô hình Logit với nhiều sự lựa chọn (Multinominal Logit Model) đã được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định thi tuyển hay dự tuyển vào trường ĐHLN của thí sinh. Mô hình có dạng cụ thể như sau:

$$P(Y_i = K_i) = \frac{e^Z}{1 + e^Z}$$

Trong đó:

$Z = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + b_3D_1 + b_4D_2 + b_5D_3 + b_6D_4 + b_7D_5 + b_8D_6 + u_i$

e là cơ số toán học; u_i là sai số của mô hình

Các biến của mô hình được giải thích chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1. ***Định nghĩa các biến của mô hình Logit có nhiều sự lựa chọn***

Tên biến	Kiểu biến	Định nghĩa	Đơn vị đo
Biến phụ thuộc			
Y_i	Định tính	Quyết định của thí sinh	0: không dự thi 1: thi tuyển theo NV1 2: dự tuyển theo NV2
Các biến độc lập			
X_1	Định lượng	Khoảng cách từ nơi sinh sống của thí sinh đến ĐHLN	Km
X_2	Định lượng	Điểm tổng kết lớp 12	Điểm
D_1	Định tính	Địa bàn sinh sống	1: thành thị 0: nông thôn
D_2	Định tính	Kỳ vọng về việc làm	1: dễ xin việc làm 0: khó xin việc làm
D_3	Định tính	Tham khảo thông tin về ngành học	1: có tham khảo 0: không tham khảo
D_4	Định tính	Định hướng của gia đình	1: có định hướng 0: không
D_5	Định tính	Tham khảo thông tin từ những người đang học tại ĐHLN	1: Có 0: Không
D_6	Định tính	Quan điểm về điểm đầu vào của trường ĐHLN	1: Phù hợp 0: Không

Mục tiêu của việc xây dựng mô hình Logit với nhiều sự lựa chọn nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất để thí sinh quyết định thi tuyển hay không thi tuyển vào trường ĐHLN. Trên cơ sở phân tích này sẽ đề xuất một số giải pháp để thu hút thí sinh thi tuyển vào trường ĐHLN. Trong mô hình Logit với nhiều sự lựa chọn, hiệu ứng biên (Marginal Effects – ME) là một chỉ tiêu quan trọng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất lựa chọn của thí sinh. Các hệ số của mô hình Logit với nhiều sự lựa chọn và hiệu ứng biên được xác định bằng phần mềm STATA 11.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng tuyển sinh của trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2007 – 2012

Trong những năm vừa qua nhà trường đã thực hiện rất nhiều đổi mới và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, chính vì vậy số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển vào trường có xu hướng tăng lên, đặc biệt là vào những năm 2008 và 2009. Bắt đầu từ năm 2010 số lượng thí sinh dự tuyển vào trường có xu hướng giảm do sự giảm của sinh viên thuộc một số nhóm ngành kinh tế, nhưng về cơ bản số lượng thí sinh dự tuyển vào trường trong giai đoạn 2010-2012 vẫn cao hơn rất nhiều so với năm 2007 (Đồ thị 1). Mặc dù số lượng thí sinh dự tuyển biến động không đều nhưng số lượng sinh viên nhập học tại trường thì ngày càng có xu hướng tăng lên (từ 1303 sinh viên năm 2009 tăng lên 2362 sinh viên năm 2012), điều này cho thấy vị thế của trường ĐHLN đang dần được nâng lên.

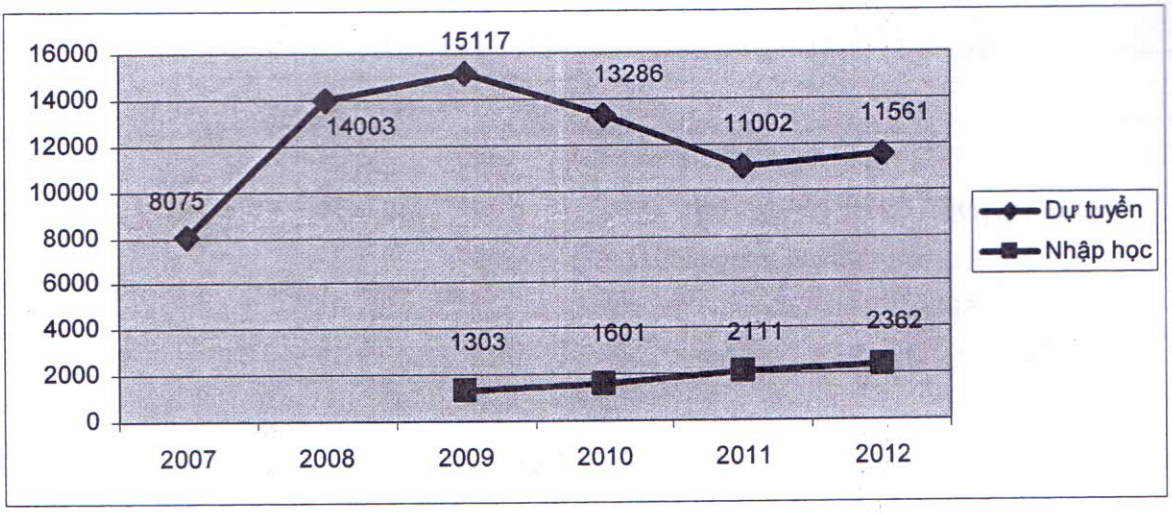

Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo, trường ĐHLN

Đồ thị 1. ***Biến động số lượng thí sinh dự thi và thí sinh nhập học của trường ĐHLN***

Số lượng thí sinh nhập học ngày càng có xu hướng tăng, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên thực sự có nguyện vọng học tại trường (sinh viên đăng ký theo nguyện vọng 1) lại có xu hướng giảm (Đồ thị 2), điều này sẽ ảnh hưởng tới mục tiêu phát triển bền vững của Nhà trường. Vì vậy, việc đề ra được các giải pháp để thu hút ngày càng nhiều sinh viên thi tuyển vào trường theo nguyện vọng 1 là thực sự cần thiết.

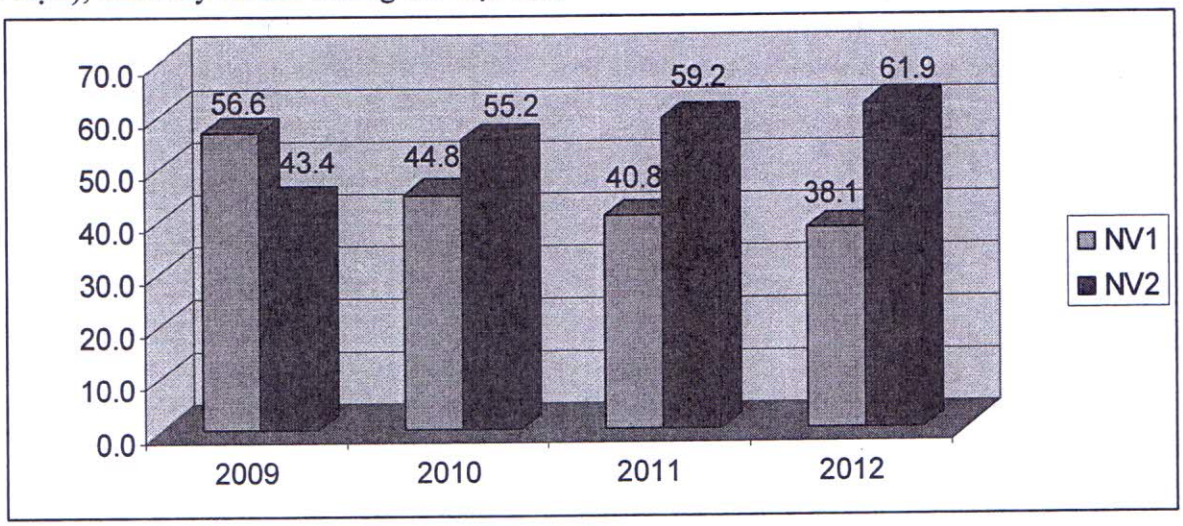

Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo, trường ĐHLN

Đồ thị 2. ***Biến động tỷ lệ sinh viên nhập học theo nguyện vọng, 2009-2012***

3.2. Quyết định của thí sinh về việc thi tuyển vào trường Đại học Lâm nghiệp

Trong quá trình nghiên cứu, có ba nhóm thí sinh được lựa chọn bao gồm: thí sinh không thi tuyển vào trường ĐHLN, thí sinh thi tuyển vào trường ĐHLN theo nguyện vọng 1, và thí sinh dự tuyển vào trường ĐHLN theo nguyện vọng 2.

Lý do không đăng ký dự thi vào trường ĐHLN của thí sinh bao gồm: thiếu thông tin ngành học; định hướng của gia đình; trường ĐHLN không ở trung tâm; sinh viên ra trường khó xin việc; và ngành học của trường kém sức hút. Nguyên nhân chính mà phần lớn thí sinh không lựa chọn thi tuyển vào trường ĐHLN là do họ cho rằng "sinh viên lâm nghiệp ra trường khó xin được việc", với hơn 34% số thí sinh lựa chọn (Bảng 2).

Bảng 2. ***Lý do không thi tuyển vào đại học Lâm nghiệp của thí sinh***

Lý do	Số người	Tỷ lệ (%)
Thiếu thông tin về các ngành học	150	24,4
Định hướng của gia đình	101	16,4
Trường không ở trung tâm	107	17,4
Sinh viên ra trường khó xin việc	212	34,4
Ngành học kém sức hút	121	19,6

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Đối với thí sinh quyết định thi tuyển và dự tuyển vào trường (thí sinh nguyện vọng 1 và thí sinh nguyện vọng 2), các lý do mà họ đưa ra để lý giải cho quyết định thi tuyển vào trường ĐHLN bao gồm: (1) sự giới thiệu của những người đang học tại trường; (2) định hướng của gia đình; (3) điểm đầu vào của trường ĐHLN phù hợp; (4) sinh viên tốt nghiệp ĐHLN dễ kiếm được việc làm; (5) do sự quảng bá ngành học của trường; và (6) lý do khác (ở gần trường, có ngành học ưa thích). Trong các lý do này, "điểm đầu vào của trường ĐHLN phù hợp" là yếu tố chính thu hút thí sinh quyết định thi tuyển vào trường. Tỷ lệ thí sinh nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 lựa chọn lý do này lần lượt là 61,3% và 65,4% (Bảng 3).

Bảng 3. ***Lý do thi tuyển vào trường ĐHLN của thí sinh nguyện vọng 1 và thí sinh nguyện vọng 2***

Lý do	Thí sinh nguyện vọng 1		Thí sinh nguyện vọng 2	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Giới thiệu của những người đang học tại ĐHLN	158	19,0	64	17,7
Định hướng của gia đình	179	21,5	64	17,7
Điểm đầu vào phù hợp	511	61,3	236	65,4
Sinh viên tốt nghiệp dễ kiếm được việc làm	85	10,2	6	1,7
Sự quảng bá ngành học của trường	53	6,4	16	4,4
Khác (ở gần trường, có ngành học ưa thích…)	65	7,8	-	-

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Bên cạnh việc phân tích các lý do thí sinh quyết định dự tuyển hay không dự tuyển vào trường ĐHLN, chúng tôi còn tiến hành phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thi tuyển hay không thi tuyển vào trường ĐHLN của thí sinh. Thí sinh bao gồm ba nhóm đại diện cho ba lựa chọn đó là: không thi tuyển; thi tuyển theo nguyện vọng 1, và dự tuyển theo nguyện vọng 2. Để đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định (đa lựa chọn) của thí sinh, mô hình Logit với nhiều sự lựa chọn (Multinominal Logit Model) đã được sử dụng trong nghiên cứu. Mục tiêu của việc xây dựng mô hình này nhằm đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tới xác suất để thí sinh lựa chọn thi tuyển vào ĐHLN theo nguyện vọng 1 (NV1) hay nguyện vọng 2 (NV2).Kết quả ước lượng của mô hình được thể hiện qua Bảng 4.

Bảng 4. ***Kết quả ước lượng mô hình Logit có nhiều sự lựa chọn***

Tên biến	Xác suất thí sinh lựa chọn	
	Thi tuyển NV1	Thi tuyển NV2
Khoảng cách (X_1)	-0,000565***	0,000565***
Điểm tổng kết lớp 12 (X_2)	-0,2340***	0,2340***
Địa bàn sinh sống (D_1)	-0,1211***	0,1211***
Kỳ vọng việc làm (D_2)	-0,3302***	0,3302***
Tham khảo thông tin ngành học (D_3)	0,1032**	-0,1032**
Định hướng của gia đình (D_4)	0,0491ns	0,0491ns
Tham khảo người đang học (D_5)	0,0166ns	0,0166ns
Điểm đầu vào phù hợp (D_6)	-0,0121ns	-0,0129ns
Hệ số xác định bội (Pseudo R^2)	0,4287***	
Số mẫu quan sát	1449	

Nguồn: Kết quả ước lượng mô hình bằng phần mềm STATA từ số liệu điều tra

Ghi chú: ***, ** *có ý nghĩa thống kê tại 1% và 5%; ns không có ý nghĩa thống kê*

Có 5 yếu tố ảnh hưởng rõ rệt đến xác xuất thí sinh quyết định thi tuyển vào ĐHLN theo NV1 hoặc NV2 đó là: khoảng cách từ nơi ở của thí sinh đến ĐHLN, điểm tổng kết năm lớp 12 của thí sinh, địa bàn của thí sinh, kỳ vọng việc làm sau khi tốt nghiệp ĐHLN, và sự tham khảo thông tin về ngành học của thí sinh. Kết quả ước lượng mô hình cho thấy các yếu tố đưa vào mô hình đã giải thích được 42,87% sự biến động của xác suất để thí sinh lựa chọn thi tuyển tại ĐHLN.

Phần lớn thí sinh thi tuyển vào ĐHLN theo NV1 là những người sinh sống không quá xa Trường. Kết quả ước lượng mô hình cho thấy khi khoảng cách từ nơi ở của thí sinh đến trường ĐHLN càng xa thì xác suất để họ thi tuyển vào ĐHLN càng giảm. Cụ thể, khi khoảng cách tăng 1km thì xác suất để thí sinh thi tuyển vào ĐHLN theo NV1 giảm 0,0565%. Điều này cho thấy công tác quảng bá hình ảnh và quảng bá ngành học của ĐHLN còn chưa mạnh nên chưa thu hút được những sinh viên sống ở các nơi xa trường. Một nguyên nhân khác là do hiện nay có rất nhiều trường đại học tham gia tuyển sinh nên thí sinh có rất nhiều lựa chọn vì vậy đã tạo ra sự phân khúc thị trường trong tuyển sinh. Ở chiều hướng ngược lại, thí sinh xét tuyển theo NV2 lại có xu hướng sống xa trường ĐHLN. Điều này có thể được lý giải là những thí sinh NV2 phải tìm kiếm cho mình một trường có điểm xét tuyển phù hợp với điểm thi của mình nên họ không cần quan tâm trường đó ở xa hay gần nơi họ sinh sống.

Điểm tổng kết năm lớp 12 là một yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định dự thi của thí sinh. Kết quả mô hình cho thấy điểm tổng kết năm lớp 12 của thí sinh càng cao thì xác suất để họ thi tuyển vào ĐHLN theo NV1 càng giảm. Khi điểm tổng kết năm lớp 12 của thí sinh tăng thêm 1 điểm thì xác suất để họ đăng ký dự thi vào trường ĐHLN theo NV1 giảm 23,4%. Như vậy, những thí sinh có lực học khá thường có xu hướng lựa chọn các trường khác thay vì ĐHLN. Nguyên nhân của hiện tượng này là do sự nhận thức về ngành nghề của thí

sinh còn hạn chế hoặc do các ngành học của ĐHLN chưa thực sự hấp dẫn những thí sinh có lực học khá, giỏi. Trong khi đó, những thí sinh xét tuyển vào trường ĐHLN theo NV2 thường là những học sinh có điểm tổng kết năm lớp 12 cao. Điều này có thể được lý giải là do quy chế tuyển sinh nên những thí sinh có lực học khá, có điểm thi tuyển cao thì mới có cơ hội trúng tuyển vào các trường theo NV2.

Địa bàn sinh sống cũng là một yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt đến xác suất dự thi vào ĐHLN của thí sinh. Thí sinh thi tuyển vào ĐHLN theo nguyện vọng 1 chủ yếu sinh sống ở địa bàn nông thôn, trong khi đó có rất nhiều thí sinh xét tuyển NV2 sinh sống tại thành thị. Điều này cho thấy, chúng ta cần phải có các ngành học phù hợp với nhu cầu của xã hội để có thể thu hút được cả thí sinh thành thị và thí sinh nông thôn.

Kỳ vọng việc làm có tác động lớn nhất đến xác suất lựa chọn thi tuyển vào ĐHLN của thí sinh. Những thí sinh thi tuyển vào ĐHLN theo NV1 là những người có kỳ vọng sẽ tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp ĐHLN cao hơn các đối tượng khác. Kết quả mô hình cho thấy, những thí sinh tin tưởng rằng họ sẽ tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp ĐHLN thì xác suất để họ thi tuyển vào trường theo NV1 tăng so với các thí sinh khác là 33,02%.

Bên cạnh đó, những thí sinh tham khảo thông tin về ngành học của ĐHLN thì xác suất để họ thi tuyển theo NV1 cao hơn các đối tượng khác là 8,54%. Ngược lại, những thí sinh xét tuyển vào trường ĐHLN theo NV2 lại không tin tưởng vào cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Vì vậy, nếu nhà trường có giải pháp để cung cấp thông tin nhằm giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp và giới thiệu đầy đủ các thông tin về ngành học của trường sẽ là giải pháp hữu hiệu để thu hút thi sinh NV1, những người thực sự có nguyện vọng học tập tại trường.

Một số yếu tố khác như định hướng của gia đình, sự tham khảo thông tin từ những người đang học tại ĐHLN và quan điểm của thí sinh về điểm đầu vào của trường ĐHLN tác động chưa rõ ràng đến xác suất để thí sinh lựa chọn thi tuyển vào trường ĐHLN. Điều này có thể được lý giải như sau: phần lớn thí sinh thi tuyển vào ĐHLN đều là con, em của các gia đình nông dân nên những định hướng của gia đình gần như là không có. Đối với những sinh viên đang học tại ĐHLN, do họ chưa tốt nghiệp nên các thông tin về việc làm và cơ hội việc làm họ cũng chưa nắm bắt rõ, nên sự tư vấn của những người đang học cho thí sinh cũng chưa đạt được hiệu quả cao. Mặc dù điểm đầu vào là một yếu tố mang tính chất quyết định nhưng kết quả mô hình cho thấy không có sự khác biệt rõ ràng về xác suất để sinh viên quyết định dự thi hay không dự thi vào trường ĐHLN. Nguyên nhân là do hiện nay có rất nhiều trường đại học cũng lấy điểm đầu vào thấp không chỉ riêng trường ĐHLN.

3.3. Một số giải pháp nhằm thu hút thí sinh thi tuyển vào ĐHLN

Thu hút được nhiều thí sinh thi tuyển theo NV1 và đặc biệt là các thí sinh có lực học khá, giỏi vào trường là một nhiệm vụ cần thiết nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Nhà trường. Để thực hiện được nhiệm vụ này đòi hỏi Nnhà trường phải thực hiện đồng bộ rất nhiều giải pháp.

Xuất phát từ thực trạng nghiên cứu nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút thí sinh, đặc biệt là thí sinh có lực học khá, giỏi thi tuyển vào ĐHLN, cụ thể như sau:

3.3.1. Nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời tăng tính hấp dẫn, tạo dựng danh tiếng của nhà trường

Đây là một giải pháp mang tính chất dài hạn và đóng vai trò vô cùng quan trọng và trong việc thu hút thí sinh dự thi.

Chất lượng đào tạo được ví như chất lượng của hàng hóa trong khi tính hấp dẫn của nhà trường giống như thương hiệu của doanh nghiệp. Hai yếu tố này luôn đi song hành và bổ trợ cho nhau. Khi chất lượng đào tạo được nâng cao thì thương hiệu của nhà trường cũng sẽ được khẳng định. Khi thương hiệu đã được khẳng định thông qua chất lượng đào tạo thì số

lượng thí sinh dự thi sẽ ngày càng nhiều hơn. Đây là mối quan hệ tương hỗ và rất logic. Để làm được việc này đòi hỏi chúng ta phải thực hiện một số biện pháp:

Thứ nhất: Từng bước tăng điểm đầu vào để tuyển được những thí sinh có lực học khá, giỏi. Hiện tại, thí sinh trúng tuyển và học tập tại ĐHLN chủ yếu là những thí sinh có lực học trung bình, đây là một cản trở rất lớn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng đào tạo chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố, trong đó chất lượng của thí sinh đầu vào đóng một vai trò tương đối quan trọng. Bên cạnh đó, kết quả của mô hình cho thấy không có sự khác biệt rõ rệt về xác suất để quyết định thi tuyển hay không thi tuyển giữa những thí sinh cho rằng "điểm đầu vào của trường ĐHLN là phù hợp" với những thí sinh không đồng ý với quan điểm này. Vì vậy, việc từng bước tăng điểm đầu vào cũng sẽ không làm ảnh hưởng đến số lượng thí sinh dự tuyển vào trường.

Thứ hai: Nâng cao tiêu chí lựa chọn giảng viên để tuyển chọn được những người thực sự có năng lực và tâm huyết nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo. Để nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng của đội ngũ giảng viên sẽ đóng vai trò then chốt.

Thứ ba: Cải thiện chất lượng phục vụ trong nhà trường, nhằm tạo ra môi trường học tập và sinh sống có chất lượng cho người học để thông qua những người đang học tập tại nhà trường quảng cáo tới những người đang có dự định thi tuyển vào ĐHLN.

3.3.2. Nâng cao hiệu quả của công tác quảng cáo, truyền bá về các ngành học và hình ảnh của Nhà trường

Giải pháp này mang tính ngắn hạn và phải được thực hiện hàng năm. Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn các thí sinh (kể cả thí sinh không thi tuyển vào ĐHLN) đều tham khảo thông tin về Trường và các ngành học của Trường. Kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng những thí sinh tham khảo thông tin về Trường, về ngành học thì xác suất để họ thi tuyển vào Trường theo NV1 cũng cao hơn so với các đối tượng khác. Vì vậy, nếu công tác quảng cáo và truyền bá các thông tin trên được thực hiện tốt sẽ góp phần thu hút được nhiều hơn thí sinh thi tuyển vào Trường. Tuy nhiên, tỷ lệ thí sinh lựa chọn thi tuyển vào ĐHLN do sự hấp dẫn của ngành học là rất thấp. Bên cạnh đó, kết quả mô hình cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa xác suất thi tuyển hay không thi tuyển của thí sinh tham khảo thông tin từ những người đang học tại trường ĐHLN so với các thí sinh không tham khảo. Điều này chứng tỏ công tác quảng cáo và truyền bá về các ngành học của Nhà trường và đặc biệt là thông qua kênh "người đang học trực tiếp tại trường" thực hiện chưa đạt hiệu quả cao. Vì vậy, nâng cao hiệu quả của công tác quảng cáo và truyền bá hình ảnh và các ngành học của Nhà trường qua các kênh là rất cần thiết để thu hút ngày càng nhiều thí sinh dự tuyển vào trường.

Để nâng cao hiệu quả của công tác quảng cáo, truyền bá về các ngành học và hình ảnh của Nhà trường, chúng ta cần thực hiện các công việc sau đây:

Một là: Cung cấp đầy đủ và chi tiết các thông tin về từng ngành học của Nhà trường, cơ hội việc làm của các ngành học này trên website của Nhà trường.

Hai là: Cập nhật và giới thiệu các công trình nghiên cứu khoa học của ĐHLN, số lượng sinh viên đã tìm được việc làm hàng năm sau khi tốt nghiệp lên website và các phương tiện thông tin đại chúng.

Ba là: Tổ chức các cuộc hội thảo giới thiệu ngành nghề trước các mùa tuyển sinh tại các địa phương trọng điểm, nơi có nhiều dân cư và học sinh để quảng bá rộng rãi các ngành học của Nhà trường.

3.3.3. Tiếp tục mở thêm các ngành học mới phù hợp với nhu cầu xã hội

Mở thêm các ngành học mới, đặc biệt là các ngành đang phát triển và phù hợp với nhu cầu xã hội là một trong những giải pháp hữu hiệu để thu hút thí sinh dự thi. Thực tế công tác tuyển sinh tại ĐHLN trong thời gian vừa qua cho thấy việc mở thêm ngành mới đã góp phần thu hút một lượng thí sinh không nhỏ dự thi vào trường. Việc mở thêm ngành "Kỹ thuật

xây dựng công trình" và "Quản lý tài nguyên thiên nhiên (cả chương trình chuẩn và chương trình tiên tiến)" đã góp phần làm tăng sinh viên cho khoa Cơ điện Công trình và Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường.

Kết quả nghiên cứu cho thấy rất ít thí sinh dự thi vào ĐHLN lựa chọn lý do "các ngành học của trường ĐHLN có sức hút cao". Vì vậy, việc tiếp tục mở thêm các ngành học mới phù hợp với nhu cầu của xã hội là giải pháp thực sự cần thiết để thu hút ngày càng nhiều thí sinh dự tuyển vào trường ĐHLN.

3.3.4. Thành lập Trung tâm hướng nghiệp và tư vấn việc làm

Đây là giải pháp nhằm tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Công việc này cũng giống như việc giải quyết thị trường đầu ra cho các sản phẩm hàng hóa thông thường.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, vấn đề việc làm có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định lựa chọn trường của thí sinh. Đối với nhóm thí sinh không dự thi vào ĐHLN lý do chính mà họ đưa ra đó là "sinh viên lâm nghiệp ra trường khó xin được việc làm". Còn đối với những thí sinh có kỳ vọng "xin được việc làm sau khi tốt nghiệp" ĐHLN thì xác suất để họ thi tuyển vào ĐHLN thường cao hơn so với các đối tượng khác. Vì vậy, nếu chúng ta tạo được cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp tại trường sẽ là giải pháp hữu ích để thu hút ngày càng nhiều thí sinh dự tuyển vào trường.

IV. KẾT LUẬN

Số lượng thí sinh dự tuyển và trúng tuyển vào ĐHLN ngày càng có xu hướng tăng, tuy nhiên tỷ lệ thí sinh trúng tuyển theo nguyện vọng 1 (những người thực sự có nguyện vọng học tại trường) ngày càng có xu hướng giảm. Điều này đã ảnh hưởng đến chiến lược phát triển bền vững của Nhà trường.

Lý do chính mà nhóm thí sinh không thi tuyển vào trường ĐHLN đưa ra là "sinh viên tốt nghiệp ĐHLN khó xin được việc làm", trong khi phần lớn thí sinh lựa chọn thi tuyển và dự tuyển vào trường ĐHLN chủ yếu là do "điểm đầu vào phù hợp".

Các yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt đến xác suất để thí sinh lựa chọn (theo NV1 và NV2) hay không lựa chọn dự tuyển vào ĐHLN bao gồm: khoảng cách từ nơi ở của thí sinh tới ĐHLN, điểm tổng kết lớp 12 của thí sinh, địa bàn sinh sống của thí sinh, kỳ vọng việc làm của thí sinh, và sự tham khảo thông tin của thí sinh. Trong các yếu tố này, yếu tố có tác động mạnh nhất đó chính là điểm tổng kết năm lớp 12 của thí sinh.

Để thực thu hút ngày càng nhiều thí sinh dự tuyển vào trường ĐHLN, đặc biệt là thí sinh có lực học khá, giỏi, Nhà trường cần thực hiện một số giải pháp (bao gồm cả giải pháp dài hạn và giải pháp ngắn hạn) đó là: (1) Nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời tăng tính hấp dẫn, tạo dựng danh tiếng của nhà trường; (2) Nâng cao hiệu quả của công tác quảng cáo, truyền bá về các ngành học và hình ảnh của nhà trường; (3) Tiếp tục mở thêm các ngành học mới phù hợp với nhu cầu xã hội; và (4) Thành lập Trung tâm hướng nghiệp và tư vấn việc làm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CISCO (2008). "Major University Find Tools to Attracts New Students". http://www.cisco.com/en/US/prod/collateral/wireless/ps5679/ps8368/case_study_major_university_finds_tools_to_attract_new_students.pdf

2. Golden. D (2012). "American university's culture of openness attracts students – and spies". http://www.research.ucf.edu/ExportControl/News/2012/American%20universities%20culture%20of%20openness%20attracts%20students%20%20and%20spies%20_%20_%20The%20Bulletin.pdf

3. Henry. J. (2011). "Universities to pay cast incentive to attract students". http://www.telegraph.co.uk/education/universityeducation/8901375/Universities-to-pay-cash-incentives-to-attract-students.html

4. Hull, L (2012). "Today's universities must be savvy in attracting tomorrow's students". http://www.virginmediabusiness.co.uk/News-and-events/Business-blog/2012/Todays-universities-must-be-savvy-in-attracting-tomorrows-students/

5. Hyland.com. "Beating the competion: faster decisions and beter service attracts best-fit students". http://www.hyland.com/Documents/udi/CaseStudy/CS_IUPUICaseStudy93.pdf

6. Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009), "Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học của học sinh phổ thông trung học", *Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ*, Tập 12, Số 15, Trang 87-102.

7. Pandey U. K, Surjeet, K. Y and Saurabh. P. (2012). "Data Mining Application to Attract Student in HEI". *International Journal on Computer Science and Engineering (IJCSE)*.,Vol. 4.,No. 6, pp.1048-1053.

8. Western Academic Admission Office (WAAO). "Attract more International Students to your College". http://www.imittcopy.com/files/WAAO-Attract_more_International_Students_to_your_College.pdf

9. *http://vtc.vn/538-343536/giao-duc/truong-dh-cap-hoc-bong-cho-toan-bo-sinh-vien-moi.htm*

SOLUTIONS FOR ATTRACTING MORE APPLICANTS TO VIETNAM FORESTRY UNIVERSITY

Trinh Quang Thoai, Chu Thi Hong Phuong

SUMMARY

The number applicants enrol in Vietnam Forestry University (VFU) more and more increasingly, however the number of excellent and very good applicants is still low. The study aims to propose feasible solutions to attract more applicants to apply in VFU. Result of study show that there are numbers of applicant did not enrol into VFU due to they claim "students of VFU do not have more chance to get job after graduating". Meanwhile, "low entrance mark" is major attracting reason for applicants those decide to register in VFU. The study also indicates that factors affecting decision of applicants to enter in VFU include: (1) distance from applicant's home to VFU; (2) the totalized mark in the last year of high school of applicants; (3) expectation of applicants about job after graduating; and (4) information reference of applicants. The solutions to attract more excellent applicants for VFU are proposed in this study comprise: (1) increase quality of teaching; (2) improve efficiency of advertising activities about training field of VFU; (3) open the new field to fit social needs; and (4) establish work consultancy and vocational guidance center.

Keywords: ***Applicant, apply, the first aspiration, the second aspiration, Vietnam Forestry University***

***Người phản biện*: PGS.TS. Phạm Văn Chương**

Ngày nhận bài: 11/7/2013

Ngày phản biện: 24/11/2013

Ngày quyết định đăng: 10/12/2013